TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-PT
Ngày 19-12-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- THnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Nguyên

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Kim Thư

Ông Nguyễn Văn Long

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Minh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:

Bà Phan Thị Tứ - Kiểm sát viên.

Ngày 19/12/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2018/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2018.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 70/2018/HNGĐ-ST ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân THnh phố Kon Tum bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:1276 /2018/QĐPT-HNGĐ ngày 02/10/2018 và thông báo mở lại phiên tòa số 1279/TB-TA ngày 12/12/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Minh T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 163 đường P, tHnh phố K, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 340 đường Đ, tHnh phố K, tỉnh Kon Tum. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn – anh Vũ Minh T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Vũ Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Minh T và chị Trần Thị Ngọc H tự nguyện kết hôn và đã được Uỷ ban nhân dân phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/9/2005. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau về tính cách và cách sống. Chị H không biết chăm lo cho gia đình, không được lòng gia đình nH chồng. Vào năm 2017, anh T đã từng gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó anh đã rút đơn để cho chị H cơ hội thay đổi, vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi về đoàn tụ, anh chị vẫn chung sống không hạnh phúc và đã ly thân từ tháng 5/2018 đến nay. Anh T không còn tình cảm với chị H nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Anh Vũ Minh T và chị Trần Thị Ngọc H có 02 con chung là Vũ Minh T, sinh ngày 11/4/2008 và Vũ Phương N, sinh ngày 02/4/2010. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao 02 con cho chị H nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ tháng 10/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai đề ngày 25/7/2018, ngày 17/9/2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Trần Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn, chị Trần Thị Ngọc H thống nhất như anh Vũ Minh T trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng không có gì là đáng kể. Anh T đi nhậu nên chị H không đồng ý. Anh T bị tai nạn nên vợ chồng có xảy ra bất hòa. Do đặc thù công việc làm ăn của chị H là kinh doanh bên ngoài nên không có nhiều thời gian chăm sóc cho gia đình. Anh T cho rằng chị H không biết chăm sóc gia đình. Tuy nhiên, trên thực tế, chị H phải lo làm ăn để có thu nhập, có điều kiện chăm lo cho gia đình. Bản thân chị luôn thương yêu chồng con, không muốn gia đình đổ vỡ, con cái bị tổn thương. Thời gian qua, chị đã cố gắng thay đổi và chăm lo cho gia đình nhiều

hơn. Do đó, chị H không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ, con cái có cha có mẹ.

Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Vũ Minh T có 02 con chung là Vũ Minh Tú, sinh ngày 11/4/2008 và Vũ Phương Nguyên, sinh ngày 02/4/2010. Nếu trường hợp anh chị ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi 02 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con tùy khả năng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 70/2018/HNGĐ-ST ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Kđã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi con" của anh Vũ Minh T, đơn đề ngày 13/7/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/10/2018, anh Vũ Minh T kháng cáo với nội dung: không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm vì xét xử chưa khách quan, không đúng quy định pháp luật, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho tôi được ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, không thay đổi, bổ sung hay rút đơn kháng cáo và đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật; bị đơn thay đổi ý kiến và có đơn đề nghị xin được ly hôn

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Kon Tum:

Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 285, 287, 290, 292 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn kháng cáo của anh T về việc xin ly hôn với chị H; về con chung: Anh Vũ Minh T và chị Trần Thị Ngọc H có 02 con chung là cháu Vũ Minh T, sinh ngày 11/4/2008 và Vũ Phương N, sinh ngày 02/4/2010. Hai bên đương sự thỏa thuận chị H sẽ là người nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi cháu 1,5 triệu đồng/tháng, từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: anh T không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm; anh T phải chịu 300.000 án phí cấp dưỡng nuôi con; về án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng anh T tự nguyện chịu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của anh Vũ Minh T còn trong thời hạn luật định; tại phiên tòa phúc thẩm, anh T không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo, các bên thỏa thuận được với nhau về việc đồng ý ly hôn nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Anh T kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm xét xử không khách quan, không đúng quy định của pháp luật, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình vì các lý do: Chị H không phải là người phụ nữ của gia đình, không biết chăm lo gia đình, không làm tròn bổn bận của người vợ, người mẹ, thường xuyên chơi bời, nhậu nhẹt, đi sớm về muộn; sống không được lòng mọi người, đặc biệt là gia đình bên chồng; tình cảm vợ chồng đã hết nên kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho anh T được ly hôn với chị H.

[3] Xét nội dung kháng cáo của anh T thấy:

Anh Vũ Minh T và chị Trần Thị Ngọc H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum vào ngày 05/9/2005 theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Minh T và chị Trần Thị Ngọc H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, giữa anh T và chị H có xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, hai bên không thống nhất được thời điểm xảy ra mâu thuẫn. Về phía anh T cho rằng: *"anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn".* Trong khi đó, chị H lại trình bày: *"sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2018 thì xảy ra mâu thuẫn".* Như vậy, Hội đồng xét xử xác định, mặc dù anh chị chưa thống nhất được thời điểm nhưng trong thời gian qua, giữa anh T và chị H có xảy ra mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh T trình bày là do: *"anh chị không hợp nhau về tính cách và cách sống. Chị H không biết chăm lo cho gia đình, không được lòng gia đình nH chồng".* Về phía chị H lại cho rằng: *"Anh T đi nhậu nên chị H không đồng ý. Anh T bị tai nạn nên vợ chồng có xảy ra bất hòa. Do đặc thù công việc làm ăn của chị H là kinh doanh bên ngoài nên không có nhiều thời gian chăm sóc cho gia đình".*

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T khẳng định không muốn tiếp tục chung sống với chị H nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Tuy nhiên, về phía chị H khẳng định, chị vẫn còn tình cảm với anh T và không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ gia đình. Bản thân chị H nhận thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng là không đáng kể; chị vẫn đang cố gắng thay đổi bản thân, dành nhiều thời gian hơn để lo cho gia đình. Việc chị đi làm bên ngoài là để có thêm thu nhập chăm lo cho gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình chung sống, giữa anh T và chị H có xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, mâu thuẫn này là không đáng kể, chưa đến mức trầm trọng, không thể giải quyết được mâu thuẫn. Không có căn cứ về việc vợ, chồng có Hnh vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Minh T là hoàn toàn có cơ cở.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến Hnh xử vắng mặt đối với chị H.

Xét thấy, sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, ngày 27/11/2018, chị Trần Thị Ngọc H có đơn thay đổi ý kiến và đề nghị được ly hôn với anh Vũ Minh T. Xét đơn của chị H, hội đồng xét xử thấy chị H viết đơn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của anh T về việc xin ly hôn.

[4] Về con chung: Anh Vũ Minh T và chị Trần Thị Ngọc H có 02 con chung là cháu Vũ Minh T, sinh ngày 11/4/2008 và Vũ Phương N, sinh ngày 02/4/2010. Hai bên đương sự thỏa thuận chị H sẽ là người nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu, quá trình giải quyết vụ án các cháu đều có nguyện vọng ở với chị H, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi cháu 1,5 triệu đồng/tháng, từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí:

Vì bản án sơ thẩm bị sửa nên anh T không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm; anh T và chị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng anh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí này nên hội đồng xét xử chấp nhận; anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Sửa bản án số 70/2018/HNGĐ-ST ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân tHnh phố Kon Tum

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận đơn kháng cáo của anh Vũ Minh T về việc xin ly hôn với chị Trần Thị Ngọc H.

- Về con chung: Giao 02 cháu Vũ Minh T, sinh ngày 11/4/2008 và Vũ Phương N, sinh ngày 02/4/2010 chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi cháu 1,5 triệu đồng/tháng, từ ngày bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Vũ Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng, tổng cộng 600.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0002109 ngày 16/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố K và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0002368 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố K, anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (19/12/2018).

THNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉTXỬ**	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA** **PHIÊN TÒA**
Đỗ Thị Kim Thư **Nguyễn Văn Long**	**Huỳnh Nguyên**